

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HC-ST
Ngày: 21-6-2022
Về khiếu kiện: “Quyết định hành
chính về quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh
Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 51/2021/TLST-HC ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2022/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ú: Ông Lê Văn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T – Chủ tịch (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Văn T – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ba Tri. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1933

Hộ khẩu cư trú: Số 1xx, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: Ấp An Thới, xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Huỳnh Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 5xx, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà T, bà L, ông V có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ú và người đại diện theo ủy quyền của bà Ú là ông Lê Văn B trình bày:

Phần đất thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² loại đất lúa, tọa lạc tại xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri do cha của bà Nguyễn Thị Ú là cụ Nguyễn Văn X quản lý sử dụng ổn định từ năm 1970 đến năm 1983 đưa phần đất này vào tập đoàn sản xuất. Năm 1990 bà Ú được nhà nước giao khoán lại và trực tiếp quản lý canh tác ổn định thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² cho đến nay. Tuy nhiên, đến nay bà Ú phát hiện phần đất nêu trên chưa được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà vì lý do: Năm 1996 do bà không hiểu biết nên có sai sót trong đăng ký, kê khai đất đai lần đầu để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 141.

Hộ bà Huỳnh Thị T là người sử dụng đất giáp ranh, liền kề với phần đất trên của bà Ú. Hộ bà T không có sử dụng phần đất thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² từ năm 1970 đến nay nhưng lại được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 406, số phát hành 363165 ngày 30/3/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị T là không đúng quy định pháp luật. Do bà mới phát hiện sự việc nêu trên nên từ trước đến nay chưa làm thủ tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B để yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T. Dẫn đến vào năm 2004 bà Huỳnh Thị T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 141, tờ bản đồ 14 cho cháu là ông Nguyễn Thanh V; ông V đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02648, số phát hành AB 280985 ngày 19/01/2005.

Do đó nay bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy:

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành 363165 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/3/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị T tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AB 280985 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/01/2005 cho ông Nguyễn Thanh V tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

Tại văn bản số 7948/UBND-NC ngày 30/12/2021 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Thửa đất 141, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc do nhà nước cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T năm 1990 sử dụng ổn định. Ngày 26/6/1997 hộ bà Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550717-000406 gồm ba thửa đất, trong đó có thửa 141, tờ bản đồ số 14. Năm 2000, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sai số chứng minh nhân dân nên Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng số giấy chứng minh nhân dân của bà T. Ngày 30/3/2000 hộ bà Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 406QSDĐ/232/2000/QĐ-UBH gồm 03 thửa đất, trong đó có thửa 141, tờ bản đồ số 14. Năm 2005, bà T lập thủ tục tặng cho thửa đất này cho cháu là Nguyễn Thanh V. Ngày 19/01/2005 ông Nguyễn Thanh V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02648 diện tích 192m² đất lúa. Qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh V là đúng trình tự thủ tục.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện B nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 141, tờ bản đồ số 14 xã An Ngãi Trung cho ông Nguyễn Thanh V là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó Ủy ban nhân dân huyện B không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Ú yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02648, số phát hành AB 280985 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/01/2005 cho ông Nguyễn Thanh V tại thửa 141, tờ bản đồ số 14. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 406, số phát hành 363165 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/3/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị T tại thửa đất 141, tờ bản đồ số 14 đã bị thu hồi khi bà Huỳnh Thị T tặng cho thửa đất này cho ông Nguyễn Thanh V.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị L; Nguyễn Thanh V trình bày:

Từ năm 1990 khi Ủy ban nhân dân xã An Ngãi Trung bình quân giao khoán đất thì thửa đất 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² tọa lạc tại xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri được giao khoán cho bà Nguyễn Thị Ú và do bà Ú

quản lý sử dụng ổn định. Còn gia đình bà T, bà L và ông V không có sử dụng phần đất này từ năm 1990 cho đến nay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy:

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành 363165 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/3/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị T tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AB 280985 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/01/2005 cho ông Nguyễn Thanh V tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 3 và các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì quyết định hành chính trên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thửa đất 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² loại đất lúa, tọa lạc tại xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri do cha của bà Nguyễn Thị Ú là cụ Nguyễn Văn X quản lý sử dụng ổn định từ năm 1970, sau đó đưa vào tập đoàn sản xuất. Năm 1990 bà Ú được nhà nước giao khoán lại và trực tiếp quản lý canh tác ổn định thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² cho đến nay. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà Ú mới phát hiện phần đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị T. Sau

bà T chuyển lại phần đất này cho cháu là ông Nguyễn Thanh V; ông V đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó bà khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú đối với quyết định hành chính nêu trên vẫn còn.

- Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị L; Nguyễn Thanh V có yêu cầu xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Căn cứ Luật đất đai năm 1993 và năm 2003; thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² mà Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T năm 2000 và ông Nguyễn Thanh V năm 2005 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[3] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Ú cho rằng phần đất thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m² là do cha của bà là cụ Nguyễn Văn X sử dụng từ năm 1970. Đến năm 1983 đưa phần đất này vào tập đoàn sản xuất. Năm 1990 bà Ú được nhà nước giao khoán lại và trực tiếp quản lý canh tác ổn định từ đó cho đến nay. Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Thanh V cũng thừa nhận năm 1990 phần đất này sau khi vào tập đoàn thì có giao khoán lại cho bà Nguyễn Thị Ú. Tuy nhiên, sau khi được giao khoán thì bà Ú không có đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 141, tờ bản đồ số 14. Hộ bà Huỳnh Thị T đã đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 03 thửa đất, trong đó có thửa 141, tờ bản đồ 14 mà bà Ú đang khởi kiện.

Xét về thực tế sử dụng đất: Phần đất thửa 141, tờ bản đồ số 14 được bà Nguyễn Thị Ú quản lý sử dụng từ năm 1990 cho đến nay, nội dung này được bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Thanh V thừa nhận tại Văn bản nêu ý kiến ngày 24/11/2021 và Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2022, các bên cũng không có xảy ra tranh chấp. Văn bản xác nhận ngày 25/4/2022 của Huỳnh Sanh Thành và ông Trần Văn Khoe cũng như tại biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đối với các ông bà Nguyễn Kim Hoàng, Trần Thị Nết, Huỳnh Sanh Thành, Trần Văn Khoe có nội dung: Các ông

bà là những người sống gần hoặc có phần đất gần phần đất thửa 141, tờ bản đồ 14; các ông bà cho biết gia đình bà Nguyễn Thị Ú là người trực tiếp quản lý sử dụng đất từ trước đến nay liên tục đã nhiều năm. Quá trình sử dụng không ai tranh chấp hay có ý kiến khiếu nại gì. Gia đình bà Huỳnh Thị T không có thời gian nào sử dụng quản lý thửa đất trên.

Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 18/4/2022 thì thửa 141 giáp các thửa 139, 133, 142. Trong đó thửa 139 là phần đất liền sau thửa 141. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre ghi nhận thửa đất 141, tờ bản đồ số 14 hiện đã lên bờ hai bên, chính giữa là mương Vng, trên đất trồng cỏ chạy dài liền với thửa 139 của bà Nguyễn Thị Ú đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giữa hai thửa đất này không có rào phân biệt, hiện trạng đất giống nhau, liền mạch.

Từ những phân tích trên thấy rằng phần đất thửa 141, tờ bản đồ 14, diện tích 192m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ bà Huỳnh Thị T, sau đó bà T tặng cho phần đất này lại cho ông Nguyễn Thanh V, ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trên thực tế bà T và ông V không có thời gian nào quản lý sử dụng phần đất này, trong quá trình bà Ú sử dụng thì các bên cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 141, tờ bản đồ 14, diện tích 192m² cho hộ bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Thanh V là chưa phù hợp với thực tế và đối tượng sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú, hủy:

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành 363165 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/3/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị T tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AB 280985 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/01/2005 cho ông Nguyễn Thanh V tại thửa 141, tờ bản đồ số 14, diện tích 192m².

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ú tự nguyện chịu và đã quyết toán xong.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp L.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Minh Đạt